

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/TCDS-ST

Ngày 11 - 8 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đỗ Quốc Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Hoàng Thanh Mai và bà Nguyễn Thị Hải

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX - ST ngày 12 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn Quốc Lộ 1A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: chị Lê Thị D, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Tháng 3/2020, bà Phạm Thị T có cho chị Lê Thị D mượn số tiền 70 triệu đồng để làm thẻ đỏ, chị D hứa khi nào làm xong thẻ đỏ sẽ trả nợ cho bà, nhưng khi chị D làm xong thẻ đỏ rồi mà vẫn không trả cho bà, bà đã nhiều lần đến nhà chị D để đòi nợ nhưng chị D cứ lần này sang lần khác khát nợ và sau đó hẹn đến ngày 25/3/2021 sẽ trả nợ cho bà, nhưng từ đó đến nay mặc dù bà đã ra nhà chị D nhiều lần nhưng chị D cũng không trả nên bà yêu cầu Tòa án buộc chị D phải trả toàn bộ số tiền nợ cho bà là 70 triệu đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Đối với bị đơn chị Lê Thị D, quá trình giải quyết vụ án chị D đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo tham gia các phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nhưng chị D thiếu hợp tác chỉ đến tham gia hòa giải 01 lần vào ngày 18/5/2021, tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị thừa nhận có mượn của bà Phạm Thị T số tiền 70 triệu đồng và cũng có hẹn đến ngày 25/3/2021 trả cho bà T như lời trình bày của bà T là hoàn toàn đúng sự thật nhưng do chị gặp khó khăn trong buôn bán nên hiện nay chưa có tiền trả được. Nay bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị phải trả toàn bộ số tiền nợ là 70 triệu đồng, chị đồng ý trả nợ nhưng do chưa có tiền nên xin bà T cho chị thời gian để trả nợ và trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

\* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chỉ đến một lần trình bày ý kiến rồi bỏ mặc, không có lý do, không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 30/7/2021, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng chị D có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị D vắng mặt không có lý do, thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt, gây cản trở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên: chấp nhận toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc chị Lê Thị D phải trả cho bà Phạm Thị T số nợ là 70.000.000 đồng. Ngoài ra, cần tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Xét bị đơn chị Lê Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Lê Thị D theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 02/3/2020 bà Phạm Thị T có cho chị Lê Thị D vay số tiền 70.000.000 đồng, chị D hẹn đến ngày 26/4/2020 sẽ trả nợ cho bà T, tuy nhiên đến hạn chị D không trả mà tiếp tục cam kết trả nợ vào các thời điểm 05/6/2020, 16/5/2020, 06/7/2020, 03/9/2020 và lần hẹn cuối cùng là ngày 25/3/2021. Đến hạn, bà T đã đòi nhiều lần nhưng chị D vẫn không trả nợ nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà Phạm Thị T và chị Lê Thị D có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể, chị D đã ký nhận vào giấy mượn tiền vào ngày 02/3/2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị D có đến Tòa án một lần và đã thừa nhận như lời trình bày của bà T là đúng sự thật, nhưng do chưa có tiền nên chưa trả. Vì vậy, bà T yêu cầu chị D phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với chị D; Buộc chị D phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền là 70.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Áp dụng các Điều 117, 119, 280, 463, 466, 470 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Tuyên xử vắng mặt bị đơn chị Lê Thị D
2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với chị Lê Thị D về việc yêu cầu thanh toán số tiền vay.

Buộc chị Lê Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền vay 70.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chị Lê Thị D chậm thanh toán số tiền nêu trên thì*

*còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.*

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có ngạch số tiền là 3.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0000617 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đỗ Quốc Tân**